

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Chương / Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn	Nhận biết: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.	3 TN	5TN	2TL	

			<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề của văn bản. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. 				
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.</p>				1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

**UBNDHUYỆN SƠN TINH
TRƯỜNG THCS TỈNH TRÀ**

**ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC
KÌ I
NĂM HỌC 2022 - 2023**

Môn: Ngữ văn 6

*Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao
đề)*

Phần I. Đọc-hiểu (6.0 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:

- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!

- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.

Nhím nhặt chiếc que khều... Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giữ nước, quấn lên người Thỏ:

- Phải may thành một chiếc áo, có thế mới kín được.

- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.

Nhím ra dáng nghĩ:

- Ủ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.

Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cõi tấm vải trên mình Thỏ để may.

(Trích “Những chiếc áo ấm”, Võ Quảng)

Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8. (Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).

Câu 1: Thể loại của đoạn trích trên là:

A. truyện cổ tích

C. truyện truyền thuyết

C. truyện đồng thoại

D. truyện ngắn

Câu 2: Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

A. lời của người kể chuyện

B. lời của nhân vật Nhím

C. lời của nhân vật Thỏ

D. lời của Nhím và Thỏ

Câu 3: Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.

B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.

- C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.
- D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

Câu 4. Chi tiết nào miêu tả Nhím và Thỏ khiến em liên tưởng đến đặc điểm của con người?

- A. Thỏ đuổi theo.
- B. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên.
- C. Một chú Nhím vừa đi đến.
- D. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cời tấm vải trên mình Thỏ để may.

Câu 5: Em hiểu nghĩa của từ “tròng trành” trong câu “*Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước.*” là gì?

- A. quay tròn, không giữ được thăng bằng.
- B. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại.
- C. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng.
- D. ở trạng thái quay tròn, nghiêng qua nghiêng lại.

Câu 6: Thỏ đã gặp sự cố gì trong đoạn trích trên?

- A. Bị ngã khi cố với một chiếc khăn.
- B. Tấm vải của Thỏ bị gió cuốn đi, rơi trên ao nước.
- C. Bị thương khi cố khều tấm vải mắc trên cây.
- D. Đi lạc vào một nơi đáng sợ.

Câu 7. Khi thấy Thỏ bị rơi chiếc áo khoác xuống nước, Nhím đã có hành động gì?

- A. Bỏ đi, mặc kệ Thỏ một mình.
- B. Tiến lại gần và đưa chiếc que cho Thỏ khều tấm vải.
- C. Lấy giúp Thỏ, giữ nước, quán lên người Thỏ.
- D. Nhờ một người bạn khác giúp đỡ Thỏ.

Câu 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời nhận xét sau để thể hiện đúng nhất thái độ của Nhím đối với Thỏ qua câu nói “*Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được?*”

Nhím..... cho Thỏ.

- A. lo sợ
- B. lo lắng
- C. lo âu
- D. lo ngại

Câu 9 (1.0 điểm): Cho biết nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 10 (1.0 điểm): Từ hành động của các nhân vật trong đoạn trích, em rút ra được những bài học đáng quý nào?

Phần II. Làm văn (4.0 điểm)

Viết bài văn kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI

Phân	Nội dung	Điểm
Phần I. Đọc – hiểu		4.0
Câu 1	Câu 2	Câu 3
B	A	A
Câu 4	Câu 5	Câu 6
D	C	B
Câu 7	Câu 8	D
Mỗi câu đúng được 0.5 điểm		
Câu 9	<p>-Nói lên tình bạn bè thân thiết. Tấm lòng giúp người hoạn nạn khi khó khăn.</p> <p>- Nhím là một người vô cùng tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn. Thỏ có Nhím làm bạn chính là tình bạn đáng quý.</p>	1.0
Câu 2	<p>- HS nêu được những bài học phù hợp: + Có lòng nhân ái, yêu thương mọi người + Cần biết cảm thông, thấu hiểu, giúp đỡ người khác khi họ khó khăn. + Nhanh nhẹn, linh hoạt khi gặp khó khăn,...</p> <p><i>(HS rút ra 1 thông điệp hợp lí thì chấm ½ số điểm; HS rút ra từ 2-3 thông điệp có diễn giải hợp lí thì chấm điểm tối đa).</i></p>	1.0
Phần II. Làm văn (4.0 điểm)		
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i> Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.</p>	0.25
	<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh</p>	0.25
	<p><i>c. Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Những ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân.</p>	2.5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục rõ ràng, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc</p>	0.5

..., ngày 14 tháng 08 năm 2022

Người ra đề

Duyệt của tổ chuyên môn

Duyệt của Ban giám hiệu

ĐỀ 2:

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ và thơ lục bát	3	0	5	0	0	2	0	60	

2	Viết	Kể lại một truyện thuyết hoặc truyện cổ tích. (ngoài SGK)	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng điểm			<i>1,5</i>	<i>0,5</i>	<i>2,5</i>	<i>1,5</i>	<i>0</i>	<i>3,0</i>	<i>0</i>	<i>1,0</i>	100
Tỉ lệ %			20	40%		30%		10%			
Tỉ lệ chung			60%				40%				

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: NGŨ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1.	Độc hiểu	Thơ và thơ lục bát	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp, thể loại của bài thơ lục bát. - Nhận diện được các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức; từ đa nghĩa và từ đồng âm; cụm từ, các biện pháp tu từ <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được chủ đề của đoạn thơ. - Hiểu được thông điệp tác giả muốn gửi gắm trong đoạn thơ. - Hiểu được ý nghĩa của từ ngữ trong câu thơ. - Xác định được các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra được lời khuyên cho các hành động gặp trong đời sống. - Từ tình cảm của nhân vật trữ tình, nêu được bài học cho bản thân. 	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà em đã đọc (ngoài SGK)	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện của dân gian.</p>				1TL*
Tổng				3 TN 1*	5TN 1*	2 TL 1*	1 TL
<i>Tỉ lệ %</i>				<i>20</i>	<i>40</i>	<i>30</i>	<i>10</i>

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Bao nhiêu khổ nhọc cam go
Đời cha chở nặng chuyển đồ gian nan!
Nhưng chưa một tiếng thở than
Mong cho con khỏe, con ngoan vui rồi.
Cha như biển rộng, mây trời
Bao la nghĩa nặng đời đời con mang!*

(Ngày của Cha- Phan Thanh Tùng)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát. B. Thơ song thất lục bát. C. Thơ tự do. D. Thơ sáu chữ.

Câu 2. Chủ đề của đoạn thơ là gì?

- A. Tình cảm gia đình.
B. Tình yêu quê hương đất nước.
C. Tình yêu thiên nhiên.
D. Tình phụ tử.

Câu 3. Dòng nào sau đây nói **đúng** về cấu trúc thơ lục bát?

- A. Thể thơ lục bát là thể thơ của dân tộc Việt Nam đã có mặt từ lâu đời.
B. Thể thơ dân gian gồm nhiều cặp câu thơ kết lại tạo nên một bài thơ hoàn chỉnh.
C. Thể thơ gồm một câu lục xen một câu bát, kết thúc ở câu bát, không hạn định số câu.
D. Thể thơ lục bát được tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau.

Câu 4. Câu thơ sau “*Cha như biển rộng, mây trời*”, sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh đúng hay sai ?

- A. Đúng B. Sai

Câu 5. Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?

Bao nhiêu khổ nhọc cam go

Đời cha chở nặng chuyển đò gian nan!

A. So sánh B. Ẩn dụ C. Hoán dụ D. Nhân hóa

Câu 6. Từ “*gian nan*” trong câu thơ trên có nghĩa là gì?

A. Gian truân. B. Gian khó. C. Gian lao. D. Khó khăn, gian khổ.

Câu 7. Đoạn thơ trên gửi đến chúng ta thông điệp gì?

A. Người cha có công lao rất lớn, luôn yêu thương, hi sinh, mong con được sống thật tốt nên người con phải biết kính trọng, yêu quý, báo đáp lại công lao của người cha.

B. Người cha mong muốn con sống tốt, dành hết tình yêu thương cho đứa con của mình, ca ngợi, đề cao tình cảm bao la của người cha dành cho con.

C. Người cha mong con luôn sống ngoan, vui khỏe, sẵn sàng gánh hết những khó khăn cho con, thể hiện tình yêu thương cha-con trong cuộc đời của mỗi người.

D. Người cha luôn quan tâm con, luôn yêu thương và mong con sống tốt, nên người, lên án những người con bất hiếu với cha mình.

Câu 8. Theo tác giả, trong đoạn thơ, người cha “*Bao nhiêu khổ nhọc cam go*”, nhưng chỉ mong điều gì?

- A. Mong cho con khỏe
- B. Mong cho con ngoan
- C. Mong cho con khỏe, con ngoan
- D. Mong cho con tốt

Câu 9. Nếu em có người bạn xem nhẹ tình cảm của cha mẹ, em sẽ khuyên bạn như thế nào?

Câu 10. Từ đoạn thơ trên, em cần làm gì về bản phận làm con của mình để thể hiện tình yêu thương đối với cha mẹ?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết mà em đã đọc hoặc nghe kể (lưu ý: không sử dụng các truyện có trong SGK Ngữ văn 6 bộ Cánh Diều).